ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

**TRƯỜNG MẦM NON HÀNG ĐÀO**



**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

**TRƯỜNG MẦM NON HÀNG ĐÀO**

**Giai đoạn 2025 - 2030**

**PHẦN MỘT**

**NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG**

**A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON**

Trường Mầm non Hàng Đào thực hiện đầy đủ mục tiêu giáo dục mầm non được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT - BGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Ngoài ra, giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. *Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non luôn có niềm đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, đủ năng lực khám phá tri thức; được nuôi dưỡng nghị lực và lòng nhân ái trong một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Đặc biệt chú trọng* *lĩnh vực phát triển thể chất nhằm hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực cho trẻ và chú trọng lĩnh vực phát triển nhận thức nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này, chú trọng giáo dục lòng yêu thương, nâng cao khả năng tư duy làm hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào các cấp học tiểu học và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.*

**I.TẦM NHÌN**

Khẳng định chất lượng thuộc tốp đầu trong CSGD trẻ mầm non Quận Hà Đông, đạt mục tiêu phát triển mô hình trường mầm non công lập đạt chuẩn Quốc gia, tiến tới trường mầm non chất lượng cao. Liên tục đổi mới, sáng tạo dựa trên nền tảng lý luận và thực tiễn, trải nghiệm. Tiếp cận và đẩy mạnh các phương pháp giáo dục tiên tiến và hiện đại vào chăm sóc, giáo dục trẻ nhưng vẫn phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương.

**II.SỨ MỆNH**

- Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non vui khỏe, giàu lòng nhân ái, biết yêu thương, chia sẻ và sống có trách nhiệm với những người xung quanh, luôn tự tin phát huy năng lực của bản thân và sáng tạo vươn mình trong thời đại mới.

- Xây dựng một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo với một chương trình giảng dạy có ý nghĩa khai thác tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Tạo cơ hội và thúc đẩy trẻ học hỏi và phát triển theo quan điểm “Lấy trẻ làm trung tâm”.

**III.GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

Xây dựng trường mầm non Hàng Đào trở thành “Nơi trẻ luôn hạnh phúc, phát huy khả năng sáng tạo và được tôn trọng”. Đặt nền tảng vững vàng để trẻ tự tin phát triển bản thân hướng tới trở thành một công dân toàn cầu dựa trên nền tảng là con người: **Năng động, Sáng tạo, Yêu thương- chia sẻ.**

*Tất cả trẻ đều được tiếp cận giáo dục cá nhân và theo năng lực.*

**B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC**

- *Chương trình giáo dục mầm non là chương trình khung, có tính chất mở, thể hiện mục tiêu giáo dục mầm non*, quy định các yêu cầu về nội dung, phương pháp giáo dục mầm non và đánh giá sự phát triển của trẻ, *làm căn cứ cho việc quản lí, chỉ đạo và tổ chức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em ở tất cả các cơ sở giáo dục mầm non trên phạm vi cả nước*; Là cam kết của Nhà nước nhằm bảo đảm chất lượng cho cả hệ thống và từng cơ sở giáo dục mầm non, *đồng thời là cam kết của trường nhằm bảo đảm chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đặc biệt chú trọng lĩnh vực phát triển thể chất nhằm hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực cho trẻ và chú trọng lĩnh vực phát triển nhận thức nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này, nâng cao khả năng tư duy làm hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào các cấp học tiếp theo và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai..*

- Chương trình được xây dựng dựa trên cơ sở quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục và đào tạo, dựa trên chương trình Giáo dục mầm non, được phát triển trên quan điểm bảo đảm đáp ứng sự đa dạng của các vùng miền, các đối tượng trẻ, hướng đến sự phát triển toàn diện và tạo cơ hội cho trẻ phát triển.

-  Chương trình giáo dục mầm non bảo đảm kết nối chặt chẽ giữa các độ tuổi nhà trẻ và mẫu giáo với nhau, **liên thông với Chương trình giáo dục phổ thông**. *Chương trình thể hiện quan điểm giáo dục toàn diện, tích hợp, lấy trẻ làm trung tâm với phương châm giáo dục “chơi mà học, học bằng chơi”.*

- Chương trình quy định những nội dung giáo dục áp dụng đối với trẻ mầm non, đồng thời *trao quyền chủ động cho các lớp, giáo viên trong việc lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục và triển khai kế hoạch giáo dục phù hợp với trẻ em mầm non và điều kiện của trường, lớp.*

**C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

**I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON**

- Đảm bảo tính khoa học, tính vừa sức và nguyên tắc đồng tâm phát triển từ dễ đến khó; đảm bảo tính liên thông giữa các độ tuổi, giữa nhà trẻ, mẫu giáo và cấp tiểu học; thống nhất giữa nội dung giáo dục với cuộc sống hiện thực, gắn với cuộc sống và kinh nghiệm của trẻ, chuẩn bị cho trẻ từng bước hoà nhập vào cuộc sống.

- Phù hợp với sự phát triển tâm sinh lý của trẻ em, hài hoà giữa nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; giúp trẻ em phát triển cơ thể cân đối, khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, vận động linh hoạt; cung cấp kỹ năng sống phù hợp với lứa tuổi; giúp trẻ em biết kính trọng, yêu mến, lễ phép với ông bà, cha mẹ, thầy giáo, cô giáo; yêu quý anh, chị, em, bạn bè; thật thà, mạnh dạn, tự tin và hồn nhiên, yêu thích cái đẹp; ham hiểu biết, thích đi học.

**II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON**

**-** Đối với giáo dục nhà trẻ, phương pháp giáo dục phải chú trọng giao tiếp thường xuyên, thể hiện sự yêu thương và tạo sự gắn bó của người lớn với trẻ; chú ý đặc điểm cá nhân trẻ để lựa chọn phương pháp giáo dục phù hợp, tạo cho trẻ có cảm giác an toàn về thể chất và tinh thần; tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ được tích cực hoạt động giao lưu cảm xúc, hoạt động với đồ vật và vui chơi, kích thích sự phát triển các giác quan và các chức năng tâm - sinh lý; tạo môi trường giáo dục gần gũi với khung cảnh gia đình, giúp trẻ thích nghi với nhà trẻ.

**-** Đối với giáo dục mẫu giáo, phương pháp giáo dục phải tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”. Chú trọng đổi mới tổ chức môi trường giáo dục nhằm kích thích và tạo cơ hội cho trẻ tích cực khám phá, thử nghiệm và sáng tạo ở các khu vực hoạt động một cách vui vẻ. Kết hợp hài hoà giữa giáo dục trẻ trong nhóm bạn với giáo dục cá nhân, chú ý đặc điểm riêng của từng trẻ để có phương pháp giáo dục phù hợp. Tổ chức hợp lí các hình thức hoạt động cá nhân, theo nhóm nhỏ và cả lớp, phù hợp với độ tuổi của nhóm /lớp, với khả năng của từng trẻ, với nhu cầu và hứng thú của trẻ và với điều kiện thực tế.

**III.YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ**

Đánh giá sự phát triển của trẻ (bao gồm đánh giá trẻ hàng ngày và đánh giá trẻ theo giai đoạn) nhằm theo dõi sự phát triển của trẻ, làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch và kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục cho phù hợp với trẻ, với tình hình thực tế nhà trường. Trong đánh giá phải có sự phối hợp nhiều phương pháp, hình thức đánh giá; coi trọng đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ, đánh giá trẻ thường xuyên qua quan sát hoạt động hằng ngày.

**D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. CÁN BỘ QUẢN LÍ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN**

*Đội ngũ CBGVNV nhà trường được đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung cả về số lượng và chất lượng, ngày càng đáp ứng với yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng GD toàn diện. Năm học 2024 - 2025, tổng số CBGVNV thời điểm tự đánh giá tháng 5/2024 là 46 đồng chí. Trong đó, Ban giám hiệu có 03 đ/c (01 HT; 02 PHT) 01 đ/c HT có trình độ Thạc sĩ QLGD; 02 đồng chí PHT trình độ Cử nhân sư phạm MN, có Chứng chỉ QLGD; 100% CBQL có trình độ trung cấp lý luận chính trị hành chính. Đội ngũ GV là 43 đồng chí trong đó có 90,6%* *trên chuẩn. Nhân viên 21 đ/c (02 trên chuẩn, 19 đạt chuẩn,).*

*Ban giám hiệu có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có lối sống trong sáng, lành mạnh, trung thực, giản dị, có năng lực vững vàng, năng động, sáng tạo trong công tác quản lý, tổ chức, điều hành tốt các hoạt động của nhà trường. Nắm vững chương trình GDMN, có nhiều biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục, xây dựng bồi dưỡng giúp đỡ giáo viên về nghiệp vụ sư phạm, kỹ năng sư phạm. Các đồng chí trong Ban giám hiệu đều có chứng chỉ tin học, ngoại ngữ, sử dụng thành thạo các thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm giáo dục, phần mềm quản lý. BGH nghiêm túc thực hiện quy chế dân chủ trong trường học, thực hiện tốt 8 điều cán bộ công chức được biết, được giám sát, được kiểm tra, thực hiện 3 công khai, 4 kiểm tra. Hàng năm các đồng chí trong BGH được đánh giá cán bộ công chức đủ tư cách, hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, được đồng nghiệp, phụ huynh tín nhiệm.*

*Hàng năm 100% GV được đánh giá xếp loại GV theo chuẩn nghề nghiệp GVMN của Bộ giáo dục và đào tạo trong đó trên 70% xếp loại xuất sắc, còn lại xếp loại khá, không có giáo viên bị xếp loại trung bình, kém. Trên 75% giáo viên có khả năng thiết kế bài giảng điện tử bằng chương trình Power Point. Đội ngũ GV luôn năng động, sáng tạo tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao nắm vững phương pháp bộ môn, tổ chức linh hoạt, có hiệu quả các hoạt động học tập, vui chơi của trẻ, áp dụng các sáng kiến kinh nghiêm đạt giải cấp quận, TP, các sản phầm đồ dùng đồ chơi sáng tạo vào thực tiễn giảng dạy.100% giáo viên có kinh nghiệm trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ, luôn biết làm chủ được cảm xúc của mình, yêu thương và đối xử công bằng với trẻ. Tích cực tìm hiểu, đổi mới hình thức giáo dục, linh hoạt áp dụng các phương pháp giáo dục tiên tiến.*

**II. CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI, HỌC LIỆU, THIẾT BỊ DẠY HỌC**

*Trường có 1 điểm trường, tổng diện tích toàn trường là 4990 m2, có đầy đủ các đồ dùng, đồ chơi, học cụ, thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng các hoạt động chăm sóc giáo dục trẻ hàng ngày.*

*Không gian bên ngoài rộng, thoáng mát, có nhiều cây xanh được chia làm nhiều khu vực, tận dụng các vị trí hành lang, sảnh hè tạo không gian bên ngoài đảm bảo tổ chức các hoạt động tập thể theo lớp, theo khối và toàn trường.*

*Phòng nhóm, lớp: Nhà trường có 22 phòng học. Các lớp học được lắp đặt hệ thống chiếu sáng học đường, đủ ánh sáng tự nhiên, đảm bảo thoáng mát về mùa hè, ấm áp vào mùa đông. 22/22 phòng học được lát sàn gỗ, lắp hệ thống cửa an toàn, xây dựng môi trường lớp học đẹp, thẩm mỹ, phù hợp với chủ đề và đáp ứng tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm.*

*Bếp ăn bán trú có đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ dây chuyền làm việc của nhân viên nuôi dưỡng, bếp ăn 1 chiều và đảm bảo các tiêu chí bếp ăn an toàn.*

**III. XÃ HỘI HÓA GIÁO DỤC**

*Quán triệt quan điềm phát triển giáo dục là sự nghiệp của Đảng, của Nhà nước và của cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện có hiệu quả chương trình Giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục nhà trường; bảo đảm điều kiện thực hiện chương trình; thực hiện nghiêm túc các chính sách của Đảng, Nhà nước đối với cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong các cơ sở giáo dục mầm non. Nhà trưởng chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các cá nhân, tổ chức ở địa phương để huy động đa dạng các nguồn lực tham gia các hoạt động giáo dục và hỗ trợ kinh phí, cơ sở vật chất nhà trường, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện.*

*Gia đình, cộng đồng được hướng dẫn và có trách nhiệm phối hợp với cở sở giáo dục mầm non bảo đảm điều kiện để thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ và chế độ làm việc đối với giáo viên, nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và Chương trình giáo dục của nhà trường.*

**PHẦN HAI**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ**

**A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục nhà trẻ của Trường Mầm non Hàng Đào nhằm giúp trẻ, từ 24 tháng tuổi đến 36 tháng tuổi phát triển hài hòa về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi. *Tạo nên một thế hệ trẻ mầm non luôn có niềm đam mê trong học tập, cởi mở, tự tin, đủ năng lực khám phá tri thức; được nuôi dưỡng nghị lực và lòng nhân ái trong một môi trường giáo dục toàn diện, phong phú, sáng tạo, phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ. Đặc biệt chú trọng lĩnh vực phát triển thể chất nhằm hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực cho trẻ và chú trọng lĩnh vực phát triển nhận thức nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này, chú trọng giáo dục lòng yêu thương, nâng cao khả năng tư duy làm hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào các cấp học tiểu học và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.*

**I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

* Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
* Thực hiện được vận động cơ bản theo độ tuổi.
* Có một số tố chất vận động ban đầu (nhanh nhẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể)
* Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
* Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

**II.** **PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

* Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh
* Có sự nhạy cảm của các giác quan.
* Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
* Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.

**III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

* Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
* Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi bằng lời nói, cử chỉ.
* Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
* Có khả năng tếp cận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
* Hồn nhiên trong giao tiếp.

1. **PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ**

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi

* Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi
* Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
* Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện.

**B- KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

**I.PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non.

Thời điểm nghỉ hè, nghỉ lễ, nghỉ học kì theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II.CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí ở các cơ sở giáo dục mầm non nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lí, sinh lí của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ

Ngủ: 1 giấc trưa

**CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ 24 – 36 THÁNG TUỔI**

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lí tại Trường Mầm non Hàng Đào nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nền nếp, thói quen tốt và thích nghi với cuộc sống ở nhà trẻ.

CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CHO TRẺ TỪ 24-36 THÁNG TUỔI

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thời lượng** | **Hoạt động** | **Hoạt động dịch vụ** | **Thời lượng** |
| 7h30 - 8h15 | 45 phút | - Đón trẻ - Chơi các góc |  |  |
| 8h00 - 8h30 | 30 phút | - Tổ chức (trò chuyện sáng) theo 4 nội dung: Chào hỏi – Chia sẻ - Hoạt động nhóm – Thông diệp sáng.  - Thể dục sáng trên lớp học theo hình thức chơi, tập theo nhóm nhỏ từ 10 - 12 trẻ hoặc cả lớp.  - Điểm danh trẻ- Uống nước – Vệ sinh cá nhân |
| 8h30 - 8h50 | 20 phút | Chơi tập có chủ đích (Nhóm 1)  HĐ ngoài trời (Nhóm 2) |
| 8h50 - 9h00 | 10 phút | Vệ sinh- Uống nước |
| 9h00 - 9h20 | 20 phút | Chơi tập có chủ đích (Nhóm 2)  HĐ ngoài trời (Nhóm 1) |
| 9h20 - 10h00 | 40 phút | Chơi, hoạt động góc |
| 10h00 - 10h15 | 15 phút | HĐ chuyển tiếp, vệ sinh, rửa mặt rửa tay |
| 10h15 - 11h15 | 60 phút | Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính |
| 11h15 - 11h30 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân |
| 11h30 - 14h | 150 phút | Ngủ trưa |
| 14h -14h30 | 30 phút | Vệ sinh cá nhân - Uống sữa. |
| 14h30 - 15h30 | 60 phút | Chơi tập | *Tổ chức câu lạc bộ:*  *- Hoạt động sáng tạo nghệ thuật*  *- Hoạt động nhảy hiện đại (múa)*  *- Hoạt động kỹ năng sống* | 1 buổi/tuần  1 buổi/tuần  1 buổi/tuần |
| 15h30 - 16h00 | 60 phút | Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính |
| 16h00 - 16h15 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân - Uống nước. |
| 16h15 - 17h15 | 60 phút | Trả trẻ- Chơi các góc *(Áp dụng đối với mùa đông)* |
| 17h15-17h30 | 15 phút | Trả trẻ- Vệ sinh lớp *(Áp dụng đối với mùa hè)* |

**C. NỘI DUNG**

**I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc chăm sóc - nuôi dưỡng trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi.

Số lượng trẻ 25- 30 trẻ/lớp với 2,5 giáo viên.

**1. Tổ chức ăn**

- Sử dụng thực phẩm của các nhà cung ứng thực phẩm có uy tín, có đầy đủ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ sở y tế kiểm định chất lượng theo định kỳ. Chế biến thực phẩm theo dây chuyền sạch với các thiết bị nhà bếp vệ sinh, hiện đại.

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi. Đảm bảo nhu cầu năng lượng chiếm 60 đến 70% năng lượng cả ngày theo quy định.

- Số bữa ăn: hai bữa chính (trưa, chiều) và một bữa phụ.

Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:

+ Bữa chính (trưa): Cơm + thức ăn mặn + Canh + Salad rau củ quả + Tráng miệng (hoa quả theo mùa, sữa chua, caramen). Bữa trưa cung cấp 30-35% năng lượng cả ngày.

+ Bữa chính (chiều): Cơm + thức ăn mặn + Canh + Tráng miệng (hoa quả theo mùa, sữa chua, caramen). Bữa chiều cung cấp 25-30% năng lượng cả ngày.

+ Bữa phụ (chiều): Uống sữa. Bữa phụ cung cấp 5-10% năng lượng cả ngày.

- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

+ Chất đạm cung cấp khoảng 13-20% năng lượng khẩu phần.

+ Chất béo cung cấp khoảng 30-40% năng lượng khẩu phần.

+ Chất bột cung cấp khoảng 47-50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: sử dụng nước uống HaDoWa của công ty nước sạch Hà Đông (được kiểm định chất lượng nước theo quy định 2 lần/năm), lượng nước uống khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, chú trọng đưa thực phẩm là các loại hột hạt, ngũ cốc… đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng của độ tuổi 24 - 36 tháng và nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm trẻ (trẻ suy dinh dưỡng - thấp còi, trẻ thừa cân - béo phì). *Chế độ ăn được tính toán cung cấp đủ các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển chiều cao như vitamin D3, vitamin K, magiê, phốt pho, canxi… cho trẻ đầy đủ dinh dưỡng và phát triển chiều cao, nâng cao thể lực trong giai đoạn vàng 1000 ngày đầu đời.*

**2. Tổ chức ngủ**

- Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi, một giấc trưa khoảng 150 phút.

- Trang bị đầy đủ đồ dùng cá nhân: chăn, gối, đệm.

- Có hệ thống quạt, điều hòa nhiệt độ 2 chiều, rèm chống nắng đảm bảo mát về mùa hè, ấm về mùa đông

- Vào đầu giờ ngủ, cho trẻ nghe nhạc hát ru, nhạc nhẹ không lời.

- Quan tâm đến đặc điểm riêng của từng trẻ: Những trẻ yếu hoặc có nhu cầu ngủ nhiều nên cho ngủ trước. Những trẻ hay quấy khóc, chưa quen với nền nếp ở nhà trẻ cô dỗ trẻ hoặc cho trẻ ngủ riêng.

**3. Vệ sinh**

- Đảm bảo đủ các trang thiết bị, đồ dùng vệ sinh cá nhân: tủ đựng đồ dùng, áo đồng phục, cốc, khăn, bát, thìa, khăn thấm mồ hôi...

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kiểm tra, ra soát kĩ chất lượng thực phẩm, nguồn gốc giá cả của các nhà cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng và VSATTP. Các dụng cụ phục vụ trẻ ăn (bát, đĩa, thìa...) được hấp sấy cẩn thận.

- Giữ sạch nguồn nước, đảm bảo xét nghiệm theo định kỳ nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt của trường (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lí rác, nước thải đúng qui định.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh cá nhân, môi trường cho trẻ trong những đợt dịch bệnh: tăng cường vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường rửa tay bằng xà phòng.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi *2*/lần/ năm. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. Trẻ suy dinh dưỡng và cao hơn so với tuổi cân đo 1lần/tháng.

- Thường xuyên cho trẻ được tắm nắng một cách phù hợp để tổng hợp vitamin D tự nhiên từ ánh mặt trời giúp cơ xương phát triển, tăng trưởng chiều cao. Ngoài ra, vitamin D còn là chất xúc tác giúp cơ thể hấp thụ canxi từ thức ăn, gián tiếp hỗ trợ cho sự phát triển của xương.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Xử lí ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

- Thiết lập facebook, Zalo nhóm lớp trao đổi với phụ huynh hàng ngày, hàng tuần về sức khỏe, về các nhu cầu dinh dưỡng và mức độ phát triển thể lực của trẻ.

- Tư vấn tâm lý và can thiệp sớm với những trẻ có biểu hiện rối nhiễu về tâm lí.

**II. GIÁO DỤC**

**1. Giáo dục phát triển thể chất**

***a) Phát triển vận động***

- Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.

- Các vận động cơ bản, phát triển tố chất vận động ban đầu.

- Các cử động bàn tay, ngón tay.

***b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe***

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.

- Làm quen với một số việc tự phục vụ; giữ gìn sức khỏe.

- Nhận biết và phòng tránh một số nguy cơ không an toàn (*ở trong lớp, ngoài lớp, nơi công cộng*).

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

**a) Phát triển vận động**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| *Mục tiêu 1 (MT 1)*: Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân. | **1. Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp**  Hô hấp: tập hít vào, thở ra.   * Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. * Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. * Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân |
| *MT 2:* Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.  *MT 3:* Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt:  - Tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m  - Ném vào đích xa 1-1,2m.  *MT 4:* Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng  *MT 5:* Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m). | **2. Các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu**   * Tập bò, trườn:   + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng.  + Bò chui qua cổng.  + Bò, trườn qua vật cản.   * Tập, đi, chạy:   + Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.  + Đi có mang vật trên tay.  + Chạy theo hướng thẳng.  + Đứng co 1 chân.   * Tập nhún bật:   + Bật tại chỗ.  + Bật qua vạch kẻ.   * Tập tung, ném, bắt:   + Tung – bắt bóng cùng cô.  + Ném bóng về phía trước.  + Ném bóng vào đích. |
| *MT 6:* Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.  *MT 7:* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. | * **3. Các cử động của bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt** * Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. * Đóng cọc bàn gỗ. * Nhón nhặt đồ vật. * Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. * Chắp ghép hình. * Chồng, xếp 6 – 8 khối. * Tập cầm bút tô, vẽ. * Lật mở trang sách. |

**b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| *MT 8:* Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.  *MT 9: Ngủ 1 giấc buổi trưa*  *MT 10: Đi vệ sinh đúng nơi quy định:* | **1. Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt**  - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau.  - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.  - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.  - Luyện 1 số thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chin, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. |
| *MT 11: Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh).*  *11a. Bước đầu tham gia và thực hiện đúng quy trình một số kỹ năng thực hành cuộc sống (Phương pháp GD Montessori), kỹ năng tự phục vụ đơn giản với sự giúp đỡ của cô*  *MT 12: Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh.* | **2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe**  - Tập tự phục vụ:  + Xúc cơm, uống nước.  + Tập mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt.  + Chuẩn bị chỗ ngủ.  *+ Thực hiện được một số kĩ năng thực hành cuộc sống đơn giản : biết cởi cúc - cài cúc; Bê khay; Chuyển đồ chơi, chuyển hạt bằng tay, bằng thìa, bằng kẹp; Lấy tăm và thả tăm; Vặn mở nắp chai; Chuyển nước bằng ống bóp, bằng mút xốp.*  - Tập nói vơi người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.  - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay lau mặt |
| *MT 13:* Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.  *MT 14:* Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở | **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn**  - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.  - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. |

**2) Giáo dục phát triển nhận thức**

***a)* *Luyện tập và phối hợp các giác quan***

- Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

***b) Nhận biết***

- Một số bộ phận cơ thể của con người.

- Một số đồ dung, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc vơi trẻ.

- Một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.

- Một số màu cơ bản, kích thước, hình dáng, số lượng, vị trí trong không gian so với bản thân trẻ.

- Bản thân và những người gần gũi.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| *MT 15:* Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. | **1. Luyện tập và phối hợp các giác quan:** *Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác* - Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.  - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.  - Sờ nắn, nhìn, ngửi…đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật.  - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm, trơn (nhẵn) – xù xì.  - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn – chua). |
| *MT 16:* Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc  *MT 17:* Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi  *MT 18:* Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc  *MT 19:* Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.  *19.a. Nhận biết gọi tên 1 số nhạc cụ gần gũi MT 20: Chơi các trò chơi với nước và cát có sự hỗ trợ của người lớN*  *MT 21:* Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh và một số màu khác theo yêu cầu  *MT 22:* Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có màu sắc, kích thước to/nhỏ theo yêu  *MT 23: Bước đầu định hướng không gian: Trên –dưới, trước – sau; nhận biết hình dạng vuông tròn* | **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng bằng các cách khác nhau: Cử chỉ, lời nói..**  - Tên, đăc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dung, đồ chơi quen thuộc.  - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.  - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.  - Màu đỏ, vàng, xanh.  - Kích thước (to - nhỏ).  - Hình tròn, hình vuông.  - Vị trí trong không gian (trên – dưới, trước – sau) so với bản thân trẻ.  - Số lượng (một – nhiều).  - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm / lớp.  - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình.  - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm / lớp. |

**3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ**

***a) Nghe***

– Nghe các giọng nói khác nhau.

– Nghe hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.

– Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

***b) Nói***

– Phát âm các âm khác nhau.

– trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.

– thể hiện các nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

***c) Làm quen với sách***

– Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| *MT 24:* Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.  *MT 25*: Trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì ?”, “….thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)  *MT 26:* Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật | **1. Nghe**  - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.  - Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Để làm gì?” “Ở đâu?” “Như thế nào?”.  - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. |
| *MT 27:* Phát âm rõ tiếng  *MT 28:* Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo  *MT 29:* Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc  *MT 30:* Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:   * Chào hỏi, trò chuyện. * Bày tỏ nhu cầu của bản thân. * Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?,   *MT 31:* Nói to, đủ nghe, lễ phép | **2. Nói**  - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.  - Trả lời và đặt câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “Thế nào?”; “Để làm gì?”; “Tại sao?”....  - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1 - 2 câu đơn giản và câu dài.  - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3 - 4 tiếng.  - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.  - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. |

**4. Giáo dục phát triển tình cảm kỹ năng xã hội và thẩm mĩ**

***a) Phát triển tình cảm***

- Ý thức về bản thân.

- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái Cảm xúc.

***b) Phát triển kỹ năng xã hội***

- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.

- Hành vi văn hóa và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp sinh hoạt.

***c) Phát triển cảm xúc thẩm mĩ***

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.

- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mục tiêu** | **Nội dung** |
| MT 32: Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)  MT 33: Thể hiện điều mình thích và không thích.  *MT 34:* Biểu lộ sự **t**hích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói  *MT 35:* Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi  *MT 36:* Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.  *36.a: Bước đầu giúp trẻ cảm nhận và thể hiện tình yêu thương của mình với những người thân qua lời nói và cử chỉ* | **1. Phát triển tình cảm**  ***- Ý thức về bản thân***  ***- Nhận biết và thể hiện1 số trạng thái cảm xúc***  - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân.  - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.  - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên.  - Nhận biết và thể hiện trạng thái cảm xúc: Vui buồn, tức giận.... |
| *MT 37:* Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi...  *MT 38:* Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ  *MT 39:* Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).  *MT 40:* Chơi thân thiện cạnh trẻ khác  *MT 41:* Thực hiện một số yêu cầu của ngư­ời lớn | **2. Phát triển kĩ năng xã hội**  ***- Mối quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.***  ***- Hành vi văn hóa giao tiếp đơn giản.***  - Giao tiếp với những người xung quanh.  - Chơi thân thiện với bạn: Chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.  - Tập sự dụng đồ dùng, đồ chơi.  - Quan tâm đễn các vật nuôi.  - Thực hiện hành vi văn hoa sgiao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn: Nói từ: “Dạ”; “Vâng ạ”; chơi cạnh bạn không cấu bạn.  - Thực hiện một số nội quy đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ tới lượt, để đồ chơi vào nơi quy định. |
| *MT 42:* Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc  *MT 43:* Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệch ngoạc).  *43.a: Trẻ biết nói tên sản phẩm tạo hình của mình làm ra* | **3. Phát triển cảm xúc thẩm mĩ**  ***– Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc***  ***– Vẽ, nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh***  - Nghe hát, nghê nhạc với giai điệu khác nhau, nghe âm thanh của các nhạc cụ.  - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.  - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn xé, vò, xếp hình.  - Xem tranh. |

**D – KẾT QUẢ MONG ĐỢI**

**I – GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

1. ***Phát triển vận động***

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **24 – 36 tháng tuổi** |
| **1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | - Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng, bụng và chân. |
| **2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu** | 2.1. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.  2.2. Thực hiện phối hợp vận động tay – mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m: Ném đích xa 1 – 1,2m.  2.3. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.  2.4. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng, ném xa lên phía trước bằng 1 tay (Tối thiểu 1,5m) |
| **3. Thực hiện vận động, cử động của ban tay, ngón tay** | 3.1. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay – Thực hiện “ Múa kheo”  3.2. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay – mắt trong các hoạt động: Nhào đắt nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ. |

***b, Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe***

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **24 – 36 tháng tuổi** |
| **1. Có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt** | 1.1. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.  1.2. Ngủ 1 giấc buổi trưa.  1.3. Đi vệ sinh đúng nơi quy định. |
| **2. Thực hiện một số việc tự phục vụ giữ gìn sức khỏe** | 2.1 Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (Lấy nước uống, đi vệ sinh...).  2.2. Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng: đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh. |
| **3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn** | 3.1. Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở. |

**II. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **24 – 36 tháng tuổi** |
| **1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan** | Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng. |
| **2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi bằng các cách khác nhau: Cử chỉ, lời nói...** | 2.1. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của nhũng người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.  2.2. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.  2.3. Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.  2.4. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc *theo 01 dấu hiệu đặc trưng về màu sắc hoặc hình dạng.*  2.5. Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ / vàng / xanh và một số màu khác theo yêu cầu.  2.6. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có màu sắc, kích thước to / nhỏ theo yêu cầu |

**III. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **24 – 36 tháng tuổi** |
| **1. Nghe hiểu lời nói** | 1.1. Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.  1.2. Trả lời các câu hỏi : “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “…làm gì ?”, “….thế nào ?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)  1.3. Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật. |
| **2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu** | 2.1. Phát âm rõ tiếng.  2.2. Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo. |
| **3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp** | 3.1.Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc. Nói to, đủ nghe, lễ phép. *Mạnh dạn, hồn nhiên trong giao tiếp.*  3.2. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:   * Chào hỏi, trò chuyện. * Bày tỏ nhu cầu của bản thân. * Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “con gì đây?”; “cái gì đây?” …   3.3. Nói to, đủ nghe, lễ phép. |

**IV. GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MĨ**

|  |  |
| --- | --- |
| **Kết quả mong đợi** | **24 – 36 tháng tuổi** |
| **1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân** | 1.1. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).  1.2. Thể hiện điều mình thích và không thích. |
| **2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con ng­ười và sự vật gần gũi** | 2.1. Biểu lộ sự **t**hích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.  2.2. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.  2.3. Biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.  2.4. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi... |
| **3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản** | 3.1. Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.  3.2. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).  3.3. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác. *Bước đầu có khả năng chơi và giao tiếp trong nhóm và có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, thân thiện, hòa đồng.*  3.4. Thực hiện một số yêu cầu của ngư­ời lớn. |
| **4. Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc/ tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh** | 4.1. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc. *Thích nghe hát, nghe các bản nhạc với các thể loại khác nhau: Nhạc không lời, nhạc với giai điệu vui vẻ….Làm quen với nghe âm thanh của các nhạc cụ, âm thanh của một số đồ dùng khác.*  4.2. Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguyệch ngoạc). *Thích chơi với màu nước qua các hoạt động, hình thức khác nhau (in, ấn, lăn, vẩy…)* |

**E - CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

Thực hiện đầy đủ và có chất lượng các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục theo yêu cầu của chương trình GDMNđược Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT - BGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Trường Mầm non Hàng Đào tăng cường các hoạt động giáo dục, hình thức tổ chức và phương pháp giáo dục để thực hiện chương trình giáo dục của trường.

**I - CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

**1. Hoạt động với đồ vật.**

*Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi 24 - 36 tháng giúp trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh trẻ để trẻ phát triển nhận thức, phát triển lời nói, phát triển các giác quan, phát triển thái độ, cảm xúc... qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên, các đồ vật gắn liền với các thao tác trong cuộc sống.*

**2. Hoạt động chơi.**

- Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động, khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ gần gũi.*.*Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ảnh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

**3. Hoạt động chơi-tập có chủ đích:**

- Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn, giúp đỡ của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mĩ.

**4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân**

- Đây là các hoạt động đáp ứng nhu cầu sinh lí của trẻ, đồng thời hình thành một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ. Trẻ được làm quen và thực hiện được một số thói quen tự phục vụ đơn giản và *ứng dụng 1 số hoạt động thực hành cuộc sống đơn giản theo phương pháp Monssesori*

**II - HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC**

1. **Theo mục đích và nội dung giáo dục,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội, sự kiện: tổ chức kỉ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (tết Trung thu, Tết cổ truyền, tết Thiếu nhi (ngày 1/6....).

**2. Theo vị trí không gian,** có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

- Tổ chức hoạt động tại các phòng học chức năng.

**3.Theo số lượng trẻ,** có các hình thức:

**-** Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

- Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

- Áp dụng linh hoạt các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục theo chương trình GDMN nhằm phát triển nhận thức xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này của trẻ. Đối với trẻ lứa tuổi 24 - 36 tháng tuổi, nhà trường tăng cường sử dụng hình thức giáo dục tiếp cận cá nhân và nhóm nhỏ. Đặc biệt chú ý đến năng lực, sự hứng thú của từng trẻ để có biện pháp điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa năng lực cá nhân.

***\* Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động giúp trẻ có kỹ năng tự phục vụ.*

*- Tăng cường các hoạt động ngoài trời tiếp xúc với thiên nhiên, môi trường xã hội gần gũi.*

*- Tăng cường tổ chức các hoạt động phát triển các tố chất vận động cho trẻ thông qua hoạt động chơi tập có chủ đích và hoạt động ở mọi lúc mọi nơi dưới hình thức cả lớp, nhóm nhỏ và bồi dưỡng cá nhân phù hợp theo khả năng nhận thức của trẻ.*

*- Tổ chức cho trẻ được tham gia các trò chơi phát triển trí tuệ: hoạt động với đồ vật, chơi với đồ chơi Lego, Không gian sáng tạo sản phẩm nghề truyền thống.*

*- Tăng cường tổ chức các ngày hội có tác dụng bổ trợ kiến thức, kĩ năng cho trẻ: Ngày Hội sách, chuỗi các hoạt động chào đón xuân, lễ hội gói bánh chưng, ngày hội nước, sân chơi trải nghiệm khoa học...*

**III - PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC**

1. **Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm**

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thoả mãn nhu cầu giao tiếp, gắn bó, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

1. **Nhóm phương pháp trực quan – minh hoạ**

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thoả mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh hoạ phù hợp.

**3.** **Nhóm phương pháp thực hành**

***a)*** ***Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi***

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kĩ năng.

***b) Trò chơi***

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

***c) Luyện tập***

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điệu bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thủ của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

**4. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)**

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điệu bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

**5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương**

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

***\* Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:***

*- Tăng cường phương pháp thực hành, trải nghiệm với đồ vật, đồ chơi. Cho trẻ sử dụng phối hợp các giác quan trong tìm hiểu, khám phá sự vật hiện tượng xung quanh trẻ. Tăng cường hoạt động theo nhóm. Tạo cơ hội cho trẻ được phát triển tự nhiên, theo nhu cầu của trẻ, nhằm tạo cho trẻ phát triển tính tự lập.*

*- Các phương pháp giáo dục được sử dụng, phối hợp một cách hợp lí nhằm phát huy ở trẻ tính chủ động, tích cực hoạt động để phát triển, đảm bảo trẻ “học qua chơi”,”chơi mà học”.*

*- Chú trọng hệ thống câu hỏi mở trong phương pháp dùng lời nhằm kích thích quá trình tư duy của trẻ. Định hướng để trẻ bộc lộ những suy nghĩ, cảm xúc, kinh nghiệm của bản thân.*

*- Áp dụng một số phương pháp giáo dục tiên tiến vào tổ chức các hoạt động như:*

*+ Phương pháp Montessori (áp dụng những kỹ năng tự phục vụ, kỹ năng thực hành cuộc sống đơn giản, vận động tinh... trong lĩnh vực phát triển thể chất, tình cảm xã hội được tổ chức thực hiện đan cài trong các hoạt động hàng ngày)*

*+ Cách tiếp cận Reggio Emilia được áp dụng với các hoạt động với đồ vật thông qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên, gương và ánh sáng....giúp trẻ phát triển nhận thức, tình cảm xã hội và thẩm mỹ.*

*+ Phương pháp học tập kích thích tư duy theo thông qua các hoạt động để kích thích tư duy và giúp trẻ phát triển tối đa năng lực của bản thân.*

**IV – TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG**

- Nhà trường đảm bảo môi trường vật chất và môi trường xã hội theo đúng yêu cầu của chương trình GDMNđược Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung một số nội dung bởi Thông tư số 51/2020/TT - BGD&ĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình GDMN ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT - BGD&ĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

*- Nhà trường tạo môi trường cho trẻ hoạt động với tiêu chí lấy trẻ làm trung tâm, tạo không gian hoạt động thực sự ý nghĩa, thân thiện, gần gũi và phát triển nhận thức cho trẻ.* Cụ thể:

**1. Môi trường vật chất**

**a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp**

**-** Trang thiết bị, đồ dùng hiện đại, chất liệu thân thiện, an toàn, gần gũi và màu sắc hài hòa giúp kích thích, tạo sự thoải mái cho trẻ khi tham gia hoạt động. Chú trọng đến việc tạo điểm nhấn trọng tâm trong không gian, biến không gian thành các khu vực, các góc hoạt động hiệu quả, thoải mái và tiện lợi.

- Thoáng mát, đẹp, an toàn, có cây xanh, vệ sinh sạch sẽ, thân thiện, phù hợp với trẻ. Đủ ánh sáng theo tiêu chuẩn ánh sáng học đường. Coi trọng việc tổ chức môi trường cho trẻ họat động ở các khu vực, các góc hoạt động,…một cách phong phú đa dạng.

- Xây dựng môi trường học tập với nhiều góc mở, nguyên vật liệu phong phú, tạo cơ hội cho trẻ hoạt động.

- Sử dụng các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo phù hợp với trẻ, đảm bảo tính an toàn, thẩm mỹ để đưa vào các hoạt động giáo dục và hoạt động chơi.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lí, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào các góc chơi, đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu qui định.

- Xây dựng góc học tập: cung cấp đầy đủ thiết bị, dụng cụ, đồ chơi cho trẻ tham gia trải nghiệm, khám phá đạt hiệu quả cao.

***b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời****, gồm có:*

- Sân chơi sạch sẽ, rộng rãi, thoáng mát, an toàn; thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phong phú, an toàn, phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần lớp học để trẻ có thể ra chơi hàng ngày.

- Sân chơi có nhiều cây xanh, có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, trồng cây ăn quả để trẻ được quan sát, tìm hiểu

**2. Môi trường xã hội**

- Môi trường chăm sóc, giáo dục đảm bảo an toàn về mặt tâm lí, tạo thuận lợi giáo dục các kĩ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên, nhân viên và những người xung quanh đối với trẻ luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

**G. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:**

- Theo dõi sự phát triển của trẻ, có biện pháp tác động giáo dục phù hợp để giúp trẻ đạt được yêu cầu của độ tuổi và mục tiêu bổ sung nâng cao đối với trẻ ở từng độ tuổi.

**II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:**

- Lựa chọn một số mục tiêu trong Chương trình giáo dục Mầm non và Chương trình bổ sung nâng cao để đánh giá năng lực trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ; thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ.

**III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:**

- Sử dụng kết hợp một cách linh hoạt các phương pháp đánh giá như: Quan sát; Trò chuyện, giao tiếp với trẻ; Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ; Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ để đánh giá tình trạng sức khỏe, thái độ, cảm xúc, hành vi, kiến thức, kĩ năng của trẻ trong ngày dưới hình thức ghi chép vào sổ nhật ký, kế hoạch tháng để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

*- Xây dựng hệ thống bài tập đánh giá trẻ theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu chương trình giáo dục ở từng độ tuổi.*

**IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:**

- Đánh giá trẻ hàng ngày về những diễn biến tâm lý – sinh lí của trẻ hằng ngày trong các hoạt dộng, nhằm phát hiện những biểu hiện tích cực hoặc tiêu cực để kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ.

- Đánh giá trẻ cuối tháng/chủ đề để xác định mức độ đạt được sau mỗi tháng, từ đó điều chỉnh mục tiêu, nội dung, phương pháp phù hợp cho tháng tiếp theo.

- Đánh giá trẻ cuối độ tuổi theo các mục tiêu phát triển của trẻ, mục tiêu bổ sung nâng cao để xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ ở giai đoạn tiếp theo.

**PHẦN BA**

**CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO**

**A. MỤC TIÊU**

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 - 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kĩ năng xã hội và thẩm mĩ. *Đặc biệt chú trọng lĩnh vực phát triển thể chất nhằm hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực cho trẻ và chú trọng lĩnh vực phát triển nhận thức nhằm xây dựng nền tảng vững chắc hỗ trợ tốt nhất cho quá trình phát triển nhận thức sau này, chú trọng giáo dục lòng yêu thương, nâng cao khả năng tư duy làm hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào cấp học tiểu học và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.*

**I – PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Có một số tố chất vận động: nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**II - PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**III -** **PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ**

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hằng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

**IV – PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KĨ NĂNG XÃ HỘI**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

– Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

– Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

**V - PHÁT TRIỂN THẨM MĨ**

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

**B– KẾ HOẠCH THỰC HIỆN**

**I - PHÂN PHỐI THỜI GIAN**

Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần làm việc 5 ngày, áp dụng trong các cơ sở giáo dục mầm non. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hằng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của cơ sở giáo dục mầm non. Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kì theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

**II - CHẾ ĐỘ SINH HOẠT**

Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày ở cơ sở giáo dục mầm non một cách hợp lí nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lí và sinh lí của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành thái độ, nền nếp, thói quen và những kĩ năng sống tích cực.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Thời lượng** | **Hoạt động CS – GD** | **Hoạt động dịch vụ** | **Thời lượng** |
| 7h30 – 8h00 | 30 phút | Đón trẻ, chơi ở các góc |  |  |
| 8h00 – 8h30 | 30 phút | - Tổ chức (trò chuyện sáng) theo 4 nội dung: Chào hỏi – Chia sẻ - Hoạt động nhóm – Thông điệp sáng.  - Thể dục - Điểm danh trẻ- Uống nước – Vệ sinh cá nhân |
| 8h30 – 9h00 | 30 phút | Hoạt động học |
| 9h00 – 9h30 | 30 phút | Hoạt động ngoài trời |
| 9h30 – 10h20 | 50 phút | Hoạt động góc |
| 10h20 – 10h35 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn |
| 10h35 - 11h35 | 60 phút | Ăn bữa chính |
| 11h35 – 11h50 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân - Chuẩn bị ngủ |
| 11h50 – 14h00 | 130 phút | Ngủ trưa |
| 14h00 – 14h15 | 15 phút | Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn |
| 14h15 – 15h00 | 45 phút | Ăn bữa phụ |
| 15h00 – 15h30 | 30 phút | Hoạt động chiều |
| 15h30 – 16h00 | 30 phút | Hoạt động chiều  Hoạt động ngoại khóa, CLB | *Hoạt động ngoại khóa: Nhảy hiện đại(Múa), STNT, Võ; KNS, Toán tư duy, Steam*  *Hoạt động làm quen với Tiếng Anh* | 1 buổi/tuần  4 buổi/tháng  12 buổi/tháng |
| 16h00 – 16h15 | 15 phút | Uống sữa công thức |  |  |
| 16h15 – 17h15 | 60 phút | Chơi, hoạt động theo ý thích –  Hoạt động ngoại khóa, CLB Trả trẻ *(Áp dụng đối với mùa đông)* | *Hoạt động ngoại khóa: Nhảy hiện đại(Múa), STNT, Võ; KNS, Toán tư duy, Steam*  *Hoạt động làm quen với Tiếng Anh* | 1 buổi/tuần  4 buổi/tháng  12 buổi/tháng |
| 16h15 – 17h30 | 75 phút | Chơi, hoạt động theo ý thích –  Hoạt động ngoại khóa, CLB Trả trẻ *(Áp dụng đối với mùa hè)* |

**C** - **NỘI DUNG**

**I– NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHOẺ**

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc nuôi dưỡng - chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Số lượng trẻ 30 - 40 trẻ/lớp với 2-3 giáo viên.

**1. Tổ chức ăn:**

- Sử dụng thực phẩm của các nhà cung ứng thực phẩm có uy tín, có đầy đủ giấy chứng nhận đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm do cơ sở y tế kiểm định chất lượng theo định kỳ. Chế biến thực phẩm theo dây chuyền sạch với các thiết bị nhà bếp vệ sinh, hiện đại.

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp:

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong 1 ngày là: 1230-1320 Kcal

+ Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong 1 ngày chiếm 50-55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal

- Số bữa ăn của trẻ tại trường: 1 bữa chính và 1 bữa phụ. Đảm bảo nhu cầu năng lượng chiếm 50 đến 60% năng lượng cả ngày theo qui định*.*

Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:

+ Bữa chính (trưa): Cơm + thức ăn mặn + Canh + Salad rau củ quả + Tráng miệng (hoa quả theo mùa, sữa chua, caramen).. Bữa chính buổi trưa cung cấp 30-35% năng lượng cả ngày.

+ Bữa phụ (chiều): Bún, phở, xôi, cháo, chè, súp+ Sữa... Bữa phụ chiều cung cấp 15-25% năng lượng cả ngày.

- Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:

+ Chất đạm cung cấp khoảng 13 - 20% năng lượng khẩu phần.

+ Chất béo cung cấp khoảng 25 - 35%năng lượng khẩu phần.

+ Chất bột cung cấp khoảng 52 - 60% năng lượng khẩu phần

- Nước uống: sử dụng nước uống HaDoWa của công ty nước sạch Hà Đông (được kiểm định chất lượng nước theo quy định 2 lần/năm), lượng nước uống khoảng 1,6 - 2 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

*- Xây dựng thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, chú trọng đưa thực phẩm từ hạt ngũ cốc… đáp ứng yêu cầu dinh dưỡng của độ tuổi và nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm trẻ (trẻ suy dinh dưỡng - thấp còi, trẻ thừa cân - béo phì). Chế độ ăn được tính toán cung cấp đủ các dưỡng chất cần thiết cho sự phát triển chiều cao như vitamin D3, vitamin K, magiê, phốt pho, canxi… cho trẻ đầy đủ dinh dưỡng và phát triển chiều cao, nâng cao thể lực trong giai đoạn vàng 1000 ngày đầu đời.*

**2. Tổ chức ngủ**

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi, một giấc trưa khoảng 120 -130 phút.

**3. Vệ sinh**

- Đảm bảo đủ các trang thiết bị, đồ dùng vệ sinh cá nhân: tủ đựng đồ dùng, áo đồng phục, cốc, khăn, bát, thìa, khăn thấm mồ hôi...

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm. Kiểm tra, ra soát kĩ chất lượng thực phẩm, nguồn gốc giá cả của các nhà cung ứng nhằm đảm bảo chất lượng và VSATTP. Các dụng cụ phục vụ trẻ ăn (bát, đĩa, thìa...) được hấp sấy cẩn thận.

- Giữ sạch nguồn nước, đảm bảo xét nghiệm theo định kỳ nguồn nước sử dụng cho sinh hoạt của trường (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lí rác, nước thải đúng qui định.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh cá nhân, môi trường cho trẻ trong những đợt dịch bệnh: tăng cường vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường rửa tay bằng xà phòng.

**4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn**

- Khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi 2 /lần***/*** năm. Trẻ suy dinh dưỡng và cao hơn so với tuổi cân đo 1lần/tháng.

- Thường xuyên cho trẻ được tắm nắng một cách phù hợp để tổng hợp vitamin D tự nhiên từ ánh mặt trời giúp cơ xương phát triển, tăng trưởng chiều cao. Ngoài ra, vitamin D còn là chất xúc tác giúp cơ thể hấp thụ canxi từ thức ăn, gián tiếp hỗ trợ cho sự phát triển của xương.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lí ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

- Thiết lập facebook, Zalo trao đổi với phụ huynh hàng ngày, hàng tuần về sức khỏe, về các nhu cầu dinh dưỡng và mức độ phát triển thể lực của trẻ.

**II** - **GIÁO DỤC**

**NỘI DUNG GIÁO DỤC THEO ĐỘ TUỔI**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Mẫu giáo Bé 3-4 tuổi** | **Mẫu giáo Nhỡ 4-5 tuổi** | **Mẫu giáo Lớn 5-6 tuổi** |
| **I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT** | | |
| ***\* Phát triển vận động*** | | |
| **Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | |
| Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.  - Hô hấp: hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên.  + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước.  + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ.  + Co duỗi chân. | Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.  - Hô hấp: hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên ( kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay ).  + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau ( phía trước, phía sau, trên đầu ).  - Lưng, bụng, lườn:  + Cúi về phía trước,ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải.  + Nghiêng người sang trái, sang phải.  - Chân:  + Nhún chân.  + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ.  + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. | Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.  - Hô hấp: hít vào, thở ra.  - Tay:  + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân).  + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao.  - Lưng, bụng, lườn:  + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái.  + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái.  + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.  - Chân:  + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau.  + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về phía sau. |
| **Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động** | | |
| - Đi và chạy:  + Đi kiễng gót.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh.  + Đi chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc.  + Đi trong đường hẹp.  - Bò, trườn, trèo:  + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc.  + Bò chui qua cổng.  + Trườn về phía trước.  + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm).  - Tung, ném, bắt:  + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô.  + Ném xa bắng 1 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay.  + Chuyền bắt bóng 2 bên theo hang ngang, hàng dọc.  - Bật – nhảy:  + Bật tại chỗ.  + Bật về phía trước.  + Bật xa 20 – 25 cm. | - Đi và chạy:  + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi.  + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vạch chuẩn.  + Chạy 15m trong khoảng 10 giây.  + Chạy chậm 60 – 80 m.    - Bò, trườn, trèo:  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4m.  + Bò dích dắc qua 5 điểm.  + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m.  + Trườn theo hướng thẳng.  + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.  + Trèo lên, xuống 5 gióng thang.  - Tung, ném, bắt:  + Tung bóng lên cao và bắt.  + Tung bắt bóng với người đối diện.  + Đập và bắt bóng tại chỗ.  + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay.  + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.  - Bật – nhảy:  + Bật liên tục về phía trước.  + Bật xa 35 – 40 cm.  + Bât – nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35cm).  + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô.  + Bật qua vật cản cao 10 – 15 cm.  + Nhảy lò cò 3m. | - Đi và chạy:  + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối.  + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc.  + Đi nối bàn chân tiến, lùi.  + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh.  + Chạy 18m trong khoảng 10 giây.  + Chạy chậm khoảng 100 – 200m.  - Bò, trườn, trèo:  + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4 – 5 m.  + Bò dích dắc qua 7 điểm.  + Bò chui qua ống dài 1,5m X 0,6m.  + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.  + Trèo lên xuống 7 gióng thang.  - Tung, ném, bắt:  + Tung bóng lên cao và bắt.  + Tung, đập bắt bóng tại chỗ.  + Đi và đập bắt bóng.  + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay.  + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay.  + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.  - Bật – nhảy:  + Bật liên tục vào vòng.  + Bật xa 40 – 50 cm.  + Bật – nhảy từ trên cao xuống (40 – 45cm).  + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô.  + Bật qua vật cản cao 15 – 20 cm.  + Nhảy lò cò 5m. |
| **Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt** | | |
| - Gập, đan các ngón tay vào nhau, qua ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay.  - Đan, tết.  - Xếp chồng các hình khối khác nhau.  - Xé, dán giấy.  - Sử dụng kéo, bút.  - Tô vẽ nguệch ngoạc.  - Cài, cởi cúc. | - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối…  - Gập giấy.  - Lắp ghép hình.  - Xé, cắt đường thẳng.  - Tô, vẽ hình.  - Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây. | - Các loại cử động của bàn tay, ngón tay và cổ tay.  - Bẻ, nắn.  - Lắp ráp.  - Xé, cắt đường vòng cung.  - Tô, đồ theo nét.  - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), xâu, luồn, buộc dây. |
| *Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Tập một số bài tập Yoga phù hợp với độ tuổi.*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu.*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong các buổi giao lưu vận động, trò chơi dân gian các lớp.* | *Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Tập một số bài tập Yoga phù hợp với độ tuổi.*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu*  *- Làm quen với hoạt động đá bóng*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong các buổi giao lưu vận động, trò chơi dân gian các lớp.* | *Hình thành thói quen tích cực vận động, nâng cao thể lực và hoàn thiện kĩ năng VĐCB, tố chất VĐ qua một số hoạt động:*  *- Tập một số bài tập Yoga phù hợp với độ tuổi.*  *- Trẻ biết thực hiện một số điệu nhảy dân vũ, thể dục nhịp điệu.*  *- Biết một số kĩ thuật khi đá bóng*  *- Thực hiện thành thạo các vận động liên hoàn, trò chơi vận động trong các buổi giao lưu vận động, trò chơi dân gian các lớp.* |
| ***\* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | | |
| Biết một số món ăn, thực phẩm thông thư­ờng và ích lợi của chúng đối với sức khỏe | | |
| - Nhận biết và nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).  - Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau…  - Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | - Biết một số thực phẩm cùng nhóm:  + Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm.  + Rau, quả chín có nhiều vitamin.  - Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt  có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...  - Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | - Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:  + Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá…  + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả  - Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo…  - Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nước ngọt, nước có ga, ăn đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. |
| **Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt** | | |
| - Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:  + Rửa tay, lau mặt, súc miệng.  + Tháo tất, cởi quần, áo .....  + Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:  + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng.  + Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.  + Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | Thực hiện được một số việc đơn giản.  + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rủa mặt, đánh răng  + Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định  + Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giật nước cho sạch  + Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo |
| *\* Kĩ năng thực hành cuộc sống: Đi cầu thang; Cởi, cất dép, đi dép; Bê ghế, đứng lên ngồi xuống ghế; Đóng mở cửa;Lấy nước và uống nước; Rửa tay xà phòng; Súc miệng nước muối; Lau mặt; Sử dụng thìa, xúc ăn; Bê khay; Rót, đổ nước; Chuyển hạt bằng tay, thìa, kẹp; Chuyển hạt bằng nhíp; Lau, thấm nước bằng mút, bông; Chuyển nước bằng ống bóp, mút xốp; Chuyển nước bằng phễu và không sử dụng phễu; Xâu: hạt, giấy dạ, ống hút...; Luồn dây; Vặn mở nắp chai, lọ; Kéo và mở khóa; Cài và mở cúc; Cài dấp dính; Cài cúc bấm; Gấp khăn giấy; Xử lí khi ho, hắt hơi; Xử lí khi hỉ mũi; Hót hạt trong khay; Hót hạt trên bàn; Hót hạt trên sàn; Hót giấy trên bàn; Hót giấy trên sàn; Sử dụng kẹp quần áo.* | *\* Kĩ năng thực hành cuộc sống: Đi cầu thang bộ, cầu thang máy; Cởi, cất dép, đi dép; Bê ghế, đứng lên ngồi xuống ghế; Đóng mở cửa; Rửa tay, lau mặt, súc miệng nước muối, lấy nước uống; Sử dụng đũa; Chuyển hạt bằng tay, thìa, kẹp, nhíp; Chuyển hạt bằng đũa; Rót, đổ nước; Lau, chùi nước; Chuyển nước bằng ống bóp, mút xốp, phễu; Sử dụng kéo, chuyển kéo; Mặc và cởi áo; Gấp quần áo; Treo mắc, kẹp quần áo; Buộc dây nơ; Buộc dây giày; ánh giày; Đóng mở đai da;Giặt và vắt khăn; Tắm cho búp bê; Gài kim băng; Rửa bát; Lau bàn ghế.* | *\* Kĩ năng thực hành cuộc sống: Đi cầu thang bộ, cầu thang máy; Cởi, cất dép, đi dép; Bê ghế, đứng lên ngồi xuống ghế; Đóng mở cửa; Rửa tay, lau mặt, súc miệng nước muối, lấy nước uống; Xâu hạt theo quy tắc; Chuyển hạt; Chuyển nước; Lau chùi cốc, chén; Gấp khăn ăn; Luồn dây; Đan nong mốt; Đan nong đôi; Sử dụng dao, chuyển dao; Gọt (vỏ dưa chuột, cà rốt...); Cắt (chuối, táo...); Bóc (tỏi, trứng, củ lạc,bắp ngô, củ lạc...); Giã; Cắm hoa; Lau lá; Lau đồ chơi, bàn ghế; Pha trà, mời trà; Mài, nghiền vụn bánh. Cắt móng tay; Chải tóc; Quét kệ; Tổ chức tiệc nhẹ;* |
| **Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ** | | |
| Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi… | Có một số hành vi tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau…  - Không uống nước lã. | Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. |
| Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. | Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định. | Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy.  - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...  - Che miệng khi ho, hắt hơi  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định  - Bỏ rác đúng nơi quy định; không khạc nhổ bậy ra lớp. |
| **Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | |
| - Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếpđang đun, phích nước nóng ... ) khi được nhắc nhở. | - Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn. | - Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn |
| - Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi …) khi được nhắc nhở. | - Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. | -Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần |
| - Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không leo trèo bàn ghế, lan can.  - Không nghịch các vật sắc nhọn.  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | - Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt....  - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. | - Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh  - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc..  - Biết không tự ý uống thuốc  - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe |
|  | - Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:  + Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | - Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:  + Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. |
|  |  | - Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  + Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi.  + Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  + Không leo trèo cây, ban công, tường rào… |
| **II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC** | | |
| ***\* Khám phá khoa học*** | | |
| **Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng** | | |
| Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị ướt?”.... | Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa?”... |
| Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. |
| Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển. |
| Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. |
| Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. |
| **Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản** | | |
| Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn” | Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi” |
|  | Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn. | Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. |
| **Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau** | | |
| Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. |
| Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... | Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình... |
| ***\* Khám phá xã hội*** | | |
| **Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | |
| Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện  - Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình  - Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình  - Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  - Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện  - Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.  - Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng  - Nói đúng họ,tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.  - Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.  - Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. |
| **Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương** | | |
| Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi...của một số nghề khi được hỏi trò chuyện. | Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...” |
| **Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh** | | |
| Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh  - Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh.  - Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.  (làng lụa Vạn Phúc, Lăng Bác, Tháp rùa, cầu Thê Húc, Chùa Một Cột, Tháp Bút, Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám). | Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh  - Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.  - Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương (làng lụa Vạn Phúc, Lăng Bác, Tháp rùa, cầu Thê Húc, Chùa Một Cột, Tháp Bút, Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám). | Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh  - Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi, đi về quê thăm ông bà...”  - Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. |
| ***\* Làm quen với toán*** | | |
| **Nhận biết số đếm, số lượng** | | |
| Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”... | Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?”; “ Đây là mấy?”… |
| Đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5. Đếm vẹt đến 10 và đếm theo khả năng. Đếm ngược từ 0-5 | Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10. Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 10. | Đếm trên đối tượng trong phạm vi 20 và đếm theo khả năng. Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 20; Đếm chẵn, đếm lẻ; Đếm cách 5,10. *Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10 và tiếp theo theo khả năng.* |
| So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn, ít nhất. |
| Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. đếm và nói kết quả. | Gộp hai nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5*.* Đếm và nói kết quả. | Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. |
| Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn. | Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau |
|  | *Sử dụng các số từ 0-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.* | *Nhận biết và sử dụng các số từ 0 đến 20 và theo khả năng để chỉ số lượng, số thứ tự.* |
|  | *Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.* | *Nhận biết các con số sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.* |
| **Sắp xếp theo qui tắc** | | |
| Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại | Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. |
|  |  | Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. |
|  |  | Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. |
| **So sánh hai đối tượng** | | |
| So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | *So sánh kích thước 3 đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn và ngược lại.* | *So sánh kích thước các đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn, từ nặng đến nhẹ và ngược lại. Nhận ra mối liên quan giữa kích thước của đối tượng.* |
|  | Sử dụng được dụng cụ đề đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh | Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả |
| **Nhận biết hình dạng** | | |
| Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,....) | Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật |
|  | Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. | *Chắp ghép, tạo ra các hình hình học, các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu* |
| **Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian** | | |
| Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. |
|  | Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm. *Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ* |
|  | *Làm quen với cách sử dụng trang thiết bị hiện đại và các phần mềm trò chơi trí tuệ AI phù hợp với độ tuổi* | *Bước đầu có khả năng thao tác đơn giản với trang thiết bị hiện đại trong một số hoạt động học và các phần mềm trò chơi trí tuệ AI phù hợp với độ tuổi.* |
| **III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | |
| **Nghe hiểu lời nói** | | |
| Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. |
| Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… | Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) |
| Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại. | Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. |
| **Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày** | | |
| Nói rõ các tiếng. | Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. |
| Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… | Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh. |
| Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... |
| Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. | Kể lại sự việc theo trình tự. | Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật. |
| Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao... |
| Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. | Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện. |
| Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. | Đóng được vai của nhân vật trong truyện. |
| Sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”;  “ Thưa” … trong giao tiếp. | Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp. | Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”..phù hợp với tình huống. |
| Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. |
| **Làm quen với việc đọc – viết** | | |
| Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | Chọn sách để xem. | Chọn sách để “đọc” và xem. |
| Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. |
| Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. |
| *Nhận biết được một số ký hiệu thông thường, trong cuộc sống: nhà vệ sinh, lối ra – vào, nơi nguy hiểm…* | Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. | Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... |
|  | *Nhận dạng được một số chữ cái* | Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt. |
|  | Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. Tập tô, tập đồ các nét chữ | Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. |
| *Có một số vốn từ tiếng Anh đơn giản* | *Có một số vốn từ và mẫu câu tiếng Anh (60 từ -05 mẫu câu), 05 bài hát bài thơ. Biết sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp đơn giản, phù hợp với độ tuổi.* | *Có một số vốn từ và mẫu câu tiếng Anh (100 từ - 10 mẫu câu, 15 bài hát bài thơ, 5 câu chuyện). Biết sử dụng tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp đơn giản, phù hợp với độ tuổi* |
| **IV.LĨNH VỰC TC - KNXH** | | |
| **Thể hiện ý thức về bản thân** | | |
| Thể hiện ý thức về bản thân  - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.  - Nói được điều bé thích, không thích. | Thể hiện ý thức về bản thân  - Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.  - Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | Thể hiện ý thức về bản thân  - Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.  - Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.  - Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).  - Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình.  - Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. |
| **Thể hiện sự tự tin, tự lực** | | |
| Thể hiện sự tự tin, tự lực  - Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.  - Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...). | Thể hiện sự tự tin, tự lực  - Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.  - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | Thể hiện sự tự tin, tự lực  - Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)  - Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. |
| **Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh** | | |
| Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh  - Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.  - Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.  - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.  - Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh  - Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.  - Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.  - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.  - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.  - Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh  - Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.  - Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.  - Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.  - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)  - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.  - Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước. |
| **Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội** | | |
| Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội  - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.  - Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...  - Chú ý nghe khi cô, bạn nói  - Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ | Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội  - Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.  - Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.  - Chú ý nghe khi cô, bạn nói.  - Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.  - Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...). | Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội  - Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.  - Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.  - Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.  - Biết chờ đến lượt.  - Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn  - Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn) |
| **Quan tâm đến môi trường** | | |
| Quan tâm đến môi trường  - Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.  - Bỏ rác đúng nơi quy định. | Quan tâm đến môi trường  - Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.  - Bỏ rác đúng nơi quy định  - Không bẻ cành, bứt hoa.  - Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | Quan tâm đến môi trường  - Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc  - Bỏ rác đúng nơi quy định  - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)  - Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn. |
| *Giá trị sống, kĩ năng sống:*  *- Bước đầu có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, trung thực.*  *- Có một số kỹ năng sống: tự nhận thức, tự tin*  *- Bước đầu biết cách ứng xử với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.*  *- Cùng người lớn tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người trong xã hội, bảo vệ môi trường)* | *Giá trị sống, kĩ năng sống:*  *- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực, trung thực.*  *- Có một số kỹ năng sống: kĩ năng quan hệ xã hội, sự tự lập,*  *- Bước đầu biết cách ứng xử phù hợp với các tình huống đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.*  *- Cùng người lớn tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người trong xã hội, bảo vệ môi trường)* | *Giá trị sống, kĩ năng sống:*  *- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, trung thực, không thành kiến.*  *- Có một số kỹ năng sống: hợp tác, trách nhiệm*  *- Biết cách ứng xử phù hợp với các tình huống trong cuộc sống.*  *- Thích lao động, sẵn sàng giúp đỡ mọi người khi cần thiết theo khả năng của mình.*  *- Có ý thức tham gia một số hoạt động xã hội (hoạt động từ thiện, giao lưu với mọi người trong xã hội, bảo vệ môi trường)* |
| **V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | |
| **Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật** | | |
| Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật  - Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.  - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.  - Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật  - Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.  - Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe vả kể câu chuyện.  - Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật  - Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.  - Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.  - Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. |
| *Bước đầu có khả năng nhận biết và cảm nhận một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam như: múa dân tộc Việt Nam (Múa Kinh), làn điệu dân ca Bắc Bộ; loại hình nghệ thuật âm nhạc thế giới như: thể loại nhạc giao hưởng;* | *Có khả năng nhận biết và cảm nhận một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam như: múa Tây Nguyên, làn điệu quan họ Bắc Ninh; một số loại hình nghệ thuật của các nước trong khu vực và trên thế giới như: (Trung Quốc, Nga), thể loại nhạc giao hưởng, nhạc phim;Nhận biết cao độ, trường độ.* | *Có khả năng nhận biết, cảm nhận và bước đầu biết thể hiện cảm xúc đối với một số loại hình nghệ thuật dân gian Việt Nam như: múa dân tộc H’Mong, múa chăm, làn điệu dân ca 3 miền; một số loại hình nghệ thuật của các nước trong khu vực và trên thế giới như:( Nhật bản, Tây Ban Nha), thể loại nhạc phim, nhạc giao hưởng, nhạc hành khúc; Nhận biết cao độ, trường độ.Nét đặc trưng trong nghệ thuật của tranh Đông Hồ, và một số Họa sĩ danh tiếng: Bùi Xuân Phái.* |
| **Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình** | | |
| Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc  - Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.  *- Bước đầu làm quen cách hát to - nhỏ*  *- Làm quen với cao độ, trường độ của nốt đen và nốt móc đơn qua các trò chơi*  - Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ).  *- Bước đầu biết cách sử dụng bộ gõ cơ thể và bộ gõ của một số nhạc cụ thuộc bộ gõ (phách tre).* | Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc  - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...  *- Làm quen với cách hát đuổi, hát đối đáp.*  *- Làm quen với cao độ, trường độ của nốt đen, nốt móc đơn, nốt trắng qua các trò chơi.*  - Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, vận động minh họa, múa, *nhảy điệu chachacha đơn giản, aerobic.).*  *- Bước đầu biết cách sử dụng bộ gõ cơ thể và bộ gõ của một số nhạc cụ thuộc bộ gõ (phách tre, song loan). Phân biệt được sự khác biệt của các nhạc cụ theo 1 - 2 dấu hiệu (đặc điểm, chất liệu, cách sử dụng).* | Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc  - Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cẩm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...  *- Làm quen với cách hát Rap*  *- Làm quen với cao độ, trường độ qua trò chơi với các thanh tiết tấu*  - Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa*, nhảy điệu chachacha...).*  *- Bước đầu biết cách sử dụng bộ gõ cơ thể và bộ gõ của một số nhạc cụ thuộc bộ gõ, trống cơm, Sắc xô…. Phân biệt được sự khác biệt của các nhạc cụ theo 2 – 3 dấu hiệu (đặc điểm, chất liệu, cách sử dụng, âm thanh).* |
| Một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình  - Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.  - Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.  - Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.  - Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.  - Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.  - Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | Một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình  - Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.  - Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.  - Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.  - Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.  - Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.  - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | Một số kĩ năng trong hoạt động tạo hình  - Phối hợp và lựa chọn các ngyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.  - Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  - Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  - Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.  - Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.  - Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. |
| **Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật** (âm nhạc, tạo hình) | | |
| Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật  - Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.  - Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.  - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật  - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.  - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.  - Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.  - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật.  - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích  - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn  Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.  - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. |

**D- KẾT QUẢ MONG ĐỢI**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Khối Khám phá MGB (3-4 Tuổi)** | **Khối tự lập MGN (4-5 tuổi)** | **Khối trưởng thành MGL(5-6 Tuổi)** | |
| **I. Lĩnh vực Phát triển thể chất** | | | |
| ***a) Phát triển vận động*** | | | |
| **1. Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp** | | | |
| *Mục tiêu 1 (MT 1)*  Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn. | *Mục tiêu 1(MT 1)*  Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh. | *Mục tiêu 1(MT 1)*  Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. | |
| **2. Thực hiện được các kỹ năng vận động cơ bản các tố chất trong vận động** | | | |
| *MT 2*  Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m).  Đi kiễng gót liên tục 3m. | *MT 2*  Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn.  - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. | *MT 2*  Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:  - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m.  - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục...  - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây.  *- Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu*  *- Đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m)* | |
| *MT 3*  Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi tốc đổi theo đúng hiệu lệnh.  - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 -4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài | *MT 3*  Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc) | *MT 3*  Kiểm soát được vận động:  - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).  *- Bật xa tối thiểu 50cm*  *- Nhảy xuống từ độ cao 40cm*  *- Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất*  *- Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian* | |
| *MT 4*  Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Tung bắt bóng với cô: Bát được 3 lần liền không rơi bóng (Khoảng cách 2,5m).  - Tự đập – bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) | *MT 4*  Phối hợp tay- mắt trong các vận động:  - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3m)  - Ném trúng đích đứng(xa 1,5m x cao 1,2m)  - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. | *MT 4*  Phối hợp tay- mắt trong vận động:  - Bắt và ném bóng với người đối diện  ( khoảng cách 4 m).  - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m).  - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. | |
| *MT 5*  Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.  - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m).  - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. | *MT 5*  Thể hiện sự nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp:  - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong vòng 10 giây.  - Ném trúng đích ngang (xa 2m)  - Bò trong đường (3- 4 dích dắc, các điểm dích dắc cách nhau 2m) không chệch ra ngoài | *MT 5*  Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:   * Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây.   - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m).  - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.  *-* Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp | |
| **3. Thực hiện phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay phối hợp tay – mắt** | | | |
| *MT 6*  Thực hiện được các vận động:  - Xoay tròn cổ tay.  - Gập, đan ngón tay vào nhau. | *MT 6*  Thực hiện được các vận động:  - Cuộn- Xoay tròn cổ tay.  - Gập, mở các ngón tay | *MT 6*  Thực hiện được các vận động:  - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. Gập, mở lần lượt từng ngón tay | |
| *MT 7*  Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:  - Vẽ được hình tròn theo mẫu.  - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm.  - Xếp chồng 8 – 10 khối không đổ.  - Tự cài, cởi cúc áo. | *MT 7*  Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:  - Vẽ hình người, nhà, cây  - Cắt thành thạo theo đường thẳng Xây dựng lắp ghép 10 -12 khối  - Biết tết sợi đôi  - Tự cài, cởi cúc áo, buộc giây giầy | *MT 7*  Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số hoạt động:  - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.  - Cắt được theo đường viền của hình vẽ.  - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu.  - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.  - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa( phéc mơ tuya). | |
| ***b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe*** | | | |
| **1. Biết một số món ăn thông thường, lơị ích của chúng đối với sức khỏe** | | | |
| *MT 8*  Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...). | *MT 8*  Biết một số thực phẩm cùng nhóm:   * Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. * Rau, quả chín có nhiều vitamin. | *MT 8*  Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:   * Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... * Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả. | |
| *MT 9*  Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau… | *MT 9*  Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... | *MT 9*  Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo... | |
| *MT 10*  Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. | *MT 10*  Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. | *MT 10*  Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. | |
| **2. Thực hiện được một số việc trong sinh hoạt** | | | |
| *MT 11*  *T*hực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn:   * Rửa tay, lau mặt, súc miệng. * Tháo tất, cởi quần, áo | *MT 11*  Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:   * Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. * Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn | *MT 11*  Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:   * Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. * Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. * Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong gội/ giật nước cho sạch. | |
| *MT 12*  Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. | *MT 12*  Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. | *MT 12*  Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. | |
| **3. Có một số hành vi thói tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe** | | | |
| *MT 13*  Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi….. | *MT 13*  Có một số hành vi tốt trong ăn uống:  - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ.  - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau...  - Không uống nước lã. | *MT 13*  - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.  - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.  - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.  - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. | |
| *MT 13a*  *Biết một số hành vi lịch sự trong ăn uống: mời trước khi ăn, không bới/đảo đồ ăn, không gõ thìa- bát.* | *MT 13a*  *Biết và thực hiện một số hành vi lịch sự trong ăn uống: mời trước khi ăn, không bới/đảo đồ ăn, không gõ thìa- bát.* | *MT 13a*  *Biết, tránh và nhắc nhở những người xung quanh một số hành vi lịch sự trong ăn uống: mời trước khi ăn, không bới/đảo đồ ăn, không gõ thìa- bát.* | |
| *MT 14*  Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh , đi dép, giày đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu**.** | *MT 14*  Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:  - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép , giày khi đi học.  - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...  - Đi vệ sinh đúng nơi qui định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định | *MT 14*  Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:  - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy  - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh.  - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....  - Che miệng khi ho, hắt hơi.  - Đi vệ sinh đúng nơi quy định.  - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. | |
| **4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh** | | | |
| *MT 15*  Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm ( bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,…) khi được nhắc nhở. | *MT 15*  Nhận ra bàn là, bếp đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn. | *MT 15*  Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. | |
| *MT 16*  Biết tránh nơi nguy hiểm ( hồ , ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi,..) khi được nhắc nhở. | *MT 16*  Nhận ra những nơi như hồ ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần. | *MT 16*  Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. | |
| *MT 16a*  *Khi đi thang máy cần đi cùng người lớn, không đứng gần cửa thang máy* | *MT 16a*  *Không đùa nghịch khi đi thang máy, không đưa tay vào khe cửa thang máy khi thang máy đang đóng* | *MT 16a*  *Biết cách sử dụng thang máy an toàn. Không đùa nghịch khi đi thang máy, không đưa tay vào khe cửa thang máy khi thang máy đang đóng* | |
| *MT 17*  Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt….  - Không tự lấy thuốc uống.  - Không trèo leo lên bàn ghế, lan can.  - Không nghịch các vật sắc nhọn  - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp. | *MT 17*  Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:  - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...  - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn.  - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. | *MT 17*  Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:  - Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....  - Biết không tự ý uống thuốc.  - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khoẻ.  *- Nhận biết đồ ăn có màu sắc lạ, bị nấm mốc... nếu ăn sẽ bị ngộ độc, hại cho sức khỏe* | |
|  | *MT 18*  Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ;  - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. | *MT 18*  Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ  - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu.  - Biết tránh một số trường hợp không an toàn:  + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.  + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.  - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ. | |
| *MT 17a*  *Biết các bộ phận thuộc vùng nhạy cảm cơ thể, không cho người khác chạm vào (trừ bố/mẹ).* | *MT 18a*  *Biết các bộ phận thuộc vùng nhạy cảm cơ thể, không cho người khác chạm vào (trừ bố/mẹ). Nhận biết được nguy cơ bị xâm hại, có thái độ phản ứng và gọi người giúp đỡ.* | *MT 18a*  *Biết các bộ phận thuộc vùng nhạy cảm cơ thể, không cho người khác chạm vào (trừ bố/mẹ). Nhận biết được nguy cơ bị xâm hại, có thái độ phản ứng và gọi người giúp đỡ.* | |
| *MT 17b*  *Biết các số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115* | *MT 18b*  *Thuộc các số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115 và biết sử dụng đúng lúc.* | *MT 18b*  *Thuộc các số điện thoại khẩn cấp: 113, 114, 115 và biết sử dụng đúng lúc. Biết 1 số kĩ năng cơ bản trong trường hợp khẩn cấp: 1 số kĩ năng thoát hiểm, thoát khỏi đám cháy, gặp người có ý định xấu, ….* | |
|  |  | *MT 19*  Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:  - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.  - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.  - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...  *- Không tự ý rời khỏi lớp học, trường học khi chưa được sự cho phép của cô giáo. Không tự ý bỏ lớp học về nhà...* | |
| **II. Lĩnh vực Phát triển Nhận thức** | | | |
| ***a. Khám phá khoa học*** | | | |
| ***1. Xem xét và tìm hiểu dặc điểm của sự vật hiện tượng*** | | | |
| *MT 20*  Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng. | *MT 20*  Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “Vì sao lá cây bị ướt?”… | *MT 20*  Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... | |
| *MT 21*  Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ, ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng. | *MT 21*  Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm…để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. | *MT 21*  Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. | |
| *MT 22*  Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. | *MT 22*  Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. | *MT 22*  Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới,  theo dõi và so sánh sự phát triển. | |
| *MT 23*  Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng. | *MT 23*  Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. | *MT 23*  Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận. | |
| *MT 23a*  *Trẻ bước đầu biết đặt câu hỏi của bản thân về đối tượng đang khám phá.* | *MT 23a*  *Trẻ biết đặt các câu hỏi khác nhau của bản thân về đối tượng đang khám phá. Nói lên suy nghĩ , hiểu biết của bản thân về đối tượng đang khám phá.* | *MT 23a*  *Trẻ biết đặt các câu hỏi khác nhau của bản thân về đối tượng đang khám phá. Nói lên suy nghĩ , hiểu biết của bản thân về đối tượng đang khám phá và các đối tượng khác.* | |
| *MT 24*  Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. | *MT 24*  Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu. | *MT 24*  Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau. | |
| ***2. Nhận ra mối quan hệ đơn giản của SVHT và giải quyết vấn đề đơn giản*** | | | |
| *MT 25*  Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi. | *MT 25*  Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vât, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/mặn hơn”. | *MT 25*  Nhận  xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. | |
|  | *MT 26*  Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn | *MT 26*  Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. | |
| ***3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau*** | | | |
| *MT 27*  Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. | *MT 27*  Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | *MT 27*  Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát. | |
| *MT 28*  Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... | *MT 28*  Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng thông qua hoạt động chơi, âm nhạc va tạo hình... | *MT 28*  Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và  tạo hình..... | |
| **b, Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán** | | | |
| ***1, Nhận biết số đếm, số lượng*** | | | |
| *MT 29*  Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. | *MT 29*  Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: “Bao nhiêu?”; “Là số mấy?”… | *MT 29*  Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... | |
| *MT 30*  Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. | *MT 30*  Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 | *MT 30*   Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. | |
| *MT 31*  So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | *MT 31*  So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. | *MT 31*  So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất. | |
| *MT 32*  Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. | *MT 32*  Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. | *MT 32*  Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. | |
| *MT 33*  Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm. | *MT 33*  Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn | *MT 33*  Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm  bằng các cách khác nhau. | |
|  | *MT 34*  Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự. | *MT 34*  Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. | |
|  | *MT 35*  Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | *MT 35*  Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. | |
|  |  | *MT 36*  Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. | |
| ***2, Sắp xếp theo quy tắc*** | | | |
| *MT 37*  Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. | *MT 37*  Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại. | *MT 37*  Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. | |
|  |  | *MT 38*  Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp. | |
| ***3. So sánh hai đối tượng*** | | | |
| *MT 39*  So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau. | *MT 39*  Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh. | | *MT 39*  Sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kế quả. |
| ***4. Nhận biết hình dạng*** | | | |
| *MT 40*  Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. | *MT 40*  Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...) | *MT 40*  Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai  khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. | |
|  | *MT 41*  Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. |  | |
| ***5. Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian*** | | | |
| *MT 42*  Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. | *MT 42*  Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác. | *MT 42*  Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn. | |
|  | *MT 43*  Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày. | *MT 43*  Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm. | |
| ***c. Khám phá xã hội*** | | | |
| **1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng** | | | |
| *MT 44*  Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện | *MT 44*  Nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. | *MT 44*  Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được trò chuyện. | |
| *MT 45*  Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình. | *MT 45*  Nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | *MT 45*  Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. | |
| *MT 46*  Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình | *MT 46*  Nói được địa chỉ gia đình mình (số nhà/ đường phố/ thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện. | *MT 46*  Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) … khi được hỏi, trò chuyện. | |
|  | *MT 47*  Nói được tên và địa chỉ của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện. | *MT 47*  Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện. | |
| *MT 48*  Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện | *MT 48*  Nói được tên , một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi , trò chuyện . | *MT 48*  Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. | |
|  | *MT 49*  Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | *MT 49*  Nói tên, đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. | |
| ***2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương*** | | | |
| *MT 50*  Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh. | *MT 50*  Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm / ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện. | *MT 50*  Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...” | |
| ***3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh*** | | | |
| *MT 51*  Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu…qua trò chuyện, tranh ảnh. | *MT 51*  Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội | *MT 51*  Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên…”. | |
| *MT 52*  Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. | *MT 52*  Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương. | *MT 52*  Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước. | |
| **III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ** | | | |
| ***1, Nghe hiểu lời nói*** | | | |
| *MT 53*  Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”. | *MT 53*  Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”. | *MT 53*  Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”. | |
| *MT 54*  Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả… | *MT 54*  Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ… | *MT 54*  Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,..). | |
| *MT 55*  Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. | *MT 55*  Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại | *MT 55*  Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại. | |
| ***2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày*** | | | |
| *MT 56*  Nói rõ các tiếng. | *MT 56*  Nói rõ để người nghe có thể hiểu được. | *MT 56*  Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. | |
| *MT 57*  Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ... | *MT 57*  Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… | *MT 57*  Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,… phù hợp với ngữ cảnh. | |
| *MT 58*  Sử dụng được câu đơn, câu ghép. | *MT 58*  Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định. | *MT 58*  Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,.. | |
| *MT 59*  Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,.. | *MT 59*  Kể lại sự việc theo trình tự. | *MT 59*  Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,  ... của nhân vật. | |
| *MT 60*  Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | *MT 60*  Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao... | *MT 60*  Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao… | |
| *MT 61*  Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. | *MT 61*  Kể chuyện có mở đầu, kết thúc. | *MT 61*  Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. | |
| *MT 61a*  *Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.* | *MT 61a*  *Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.* | *MT 61a*  *Kể chuyện sáng tạo qua tranh hoặc đồ vật* | |
| *MT 62*  Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện. | *MT 62*  Bắt chước giọng nói, điệu bộ của  nhân vật trong truyện. | *MT 62*  Đóng được vai của nhân vật trong truyện. | |
| *MT 63*  Sử dụng các từ: vâng ạ, dạ, thưa, … trong giao tiếp. | *MT 63*  Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp. | *MT 63*  Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng… phù hợp với tình huống. | |
| *MT 64*  Nói đủ nghe, không nói lí nhí. | *MT 64*  Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở. | *MT 64*  Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh. | |
| ***3. Làm quen với việc đọc – viết*** | | | |
| *MT 65*  Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh. | *MT 65*  Chọn sách để xem. | *MT 65*  Chọn sách để “đọc” và xem. | |
| *MT 66*  Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh. | *MT 66*  Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh. | *MT 66*  Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân. | |
|  | *MT 67*  Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”). | *MT 67*  Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách. | |
|  | *MT 68*  Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,.. | *MT 68*  Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông... | |
|  |  | *MT 69*  Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt. | |
| *MT 70*  Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoặc. | *MT 70*  Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tầu, thiệp chúc mừng,.. | *MT 70*  Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. | |
| **IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM – KỸ NĂNG XÃ HỘI** | | | |
| ***1. Thể hiện ý thức về bản thân*** | | | |
| *MT 71*  Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. | *MT 71*  Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi và trò chuyện | *MT 71*  Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại. | |
| *MT 72*  Nói được điều bé thích, không thích. | *MT 72*  Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. | *MT 72*  Nói được  điều bé thích, không thích., những việc bé làm được  và  việc gì  bé không làm được. | |
|  |  | *MT 73*  Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới  tính, sở thích và khả năng). | |
|  |  | *MT 74*  Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình. | |
|  |  | *MT 75*  Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức. | |
| ***2. Thể hiện sự tự tin, tự lực*** | | | |
| *MT 76*  Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. | *MT 76*  Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. | *MT 76*  Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...). | |
| *MT 77*  Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi, ...). | *MT 77*  Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi). | *MT 77*  Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. | |
| ***3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh*** | | | |
| *MT 78*  Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh. | *MT 78*  Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. | *MT 78*  Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. | |
| *MT 79*  Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận. | *MT 79*  Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. | *MT 79*  Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ. | |
|  |  | *MT 80*  Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. | |
| *MT 81*  Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. | *MT 81*  Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. | *MT 81*  Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...) | |
| *MT 82*  Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. | *MT 82*  Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | *MT 82*  Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. | |
|  | *MT 83*  Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. | *MT 83*  Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quê hương, đất nước. | |
| ***4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội*** | | | |
| *MT 84*  Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ. | *MT 84*  Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ. | *MT 84*  Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. | |
| *MT 85*  Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở... | *MT 85*  Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | *MT 85*  Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép. | |
| *MT 86*  Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | *MT 86*  Chú ý nghe khi cô, bạn nói. | *MT 86*  Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác. | |
| *MT 87*  Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ. | *MT 87*  Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở. | *MT 87*  Biết chờ đến lượt. | |
|  | *MT 88*  Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...) | *MT 88*  Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn. | |
|  |  | *MT 89*  Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). | |
| ***5. Quan tâm đến môi trường*** | | | |
| *MT 90*  Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. | *MT 90*  Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. | *MT 90*  Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc | |
| *MT 91*  Bỏ rác đúng nơi quy định. | *MT 91*    Bỏ rác đúng nơi quy định. | *MT 91*  Bỏ rác đúng nơi quy định. | |
|  | *MT 92*  Không bẻ cành, bứt hoa. | *MT 92*  Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...). | |
|  | *MT 93*  Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng. | *MT 93*  Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. | |
| **V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ** | | | |
| ***1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật*** | | | |
| *MT 94*  Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng. | *MT 94*  Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | *MT 94*  Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng. | |
| *MT 95*  Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. | *MT 95*  Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện | *MT 95*  Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp ) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. | |
| *MT 96*  Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn  và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | *MT 96*  Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ  và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. | *MT 96*  Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình. | |
| ***2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình****.* | | | |
| *MT 97*  Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. | *MT 97*  Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ... | *MT 97*  Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình  cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ... | |
| *MT 98*  Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ). | *MT 98*  Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa). | *MT 98*  Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa). | |
| *MT 99*  Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. | *MT 99*  Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm. | *MT 99*  Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm. | |
| *MT 100*  Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản. | *MT 100*  Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. | *MT 100*  Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | |
| *MT 101*  Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản. | *MT 101*  Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục. | *MT 101*  Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để  tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | |
| *MT 102*  Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối. | *MT 102*  Làm lõm, dỗ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết. | *MT 102*  Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối. | |
| *MT 103*  Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản. | *MT 103*  Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau. | *MT 103*  Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối. | |
| *MT 104*  Nhận xét các sản phẩm tạo hình. | *MT 104*  Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng. | MT *104*  Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục. | |
| ***3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật****(âm nhạc, tạo hình)* | | | |
| *MT 105*  Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. | MT 105  Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | *MT 105*  Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. | |
| *MT 105a*  *Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.* | *MT 105a*  *Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.* | *MT 105a*  *Có khả năng cảm thụ âm nhạc, thể hiện phù hợp với tính chất của giai điệu (vui, buồn, rộn ràng,...)* | |
|  | *MT 106*  Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. | MT *106*  Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn. | |
| *MT 107*  Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | *MT 107*  Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | *MT 107*  Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. | |
| *MT 108*  Đặt tên cho sản phẩm tạo hình | *MT 108*  Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | *MT 108*  Đặt tên cho sản phẩm tạo hình. | |

**PHẦN BỐN**

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

1. Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và chương trình giáo dục trường Mầm non Hàng Đào hướng dẫn trường xây dựng kế hoạch giáo dục năm học, tổ chức thực hiện; phát triển chương trình giáo dục mầm non. Ngoài những nội dung quy định tại mục C Phần hai Chương trình giáo dục nhà trẻ và mục C Phần ba Chương trình giáo dục mẫu giáo cơ sở giáo dục mầm non có thể lựa chọn, bổ sung một số nội dung giáo dục như: cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tiếp cận công nghệ số và những nội dung giáo dục khác phù hợp với mục tiêu của Chương trình Giáo dục mầm non, bảo đảm tính khoa học, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, của cơ sở giáo dục mầm non, khả năng và nhu cầu của trẻ, theo quy định của pháp luật để phát triển chương trình giáo dục nhà trường nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Việc tổ chức thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Trên cơ sở Chương trình giáo dục, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục năm học của khối, của lớp phù hợp với nhóm/ lớp, khả năng cá nhân của trẻ và điều kiện thực tế của địa phương.Các kế hoạch giáo dục phải thực hiện *chú trọng được mục tiêu, nội dung bổ sung trong các lĩnh vực phát triển. Bên cạnh đó, giúp trẻ em phát triển về tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách; những chức năng tâm sinh lí, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kĩ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, phát huy tối đa năng lực, kinh nghiệm của trẻ, làm hành trang cho trẻ sẵn sàng bước vào các cấp học tiếp theo và trở thành người công dân toàn cầu trong tương lai.*

*3. Khuyến khích giáo viên mạnh dạn đổi mới, sáng tạo, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức cách hoạt động và các hình thức đánh giá trẻ hiệu quả.*

4. Nội dung của các lĩnh vực giáo dục chủ yếu được tổ chức thực hiện theo hướng tích hợp thông qua các hoạt động đa dạng, thích hợp với trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường.

***5. Lộ trình phát triển Chương trình tại trường mầm non Hàng Đào***

*- Năm học 2024-2025 đến Năm học 2025-2026: Tiếp tục đổi mới bổ sung nội dung các hoạt động lĩnh vực Thể chất, Nhận thức, ngôn ngữ, ứng dụng phương pháp STEAM tổ chức hoạt động thực hiện tốt mục tiêu lĩnh vực nhận thức, thẩm mỹ, ngôn ngữ*

*- Năm học 2026-2027: tiếp tục đổi mới sáng tạo thực hiện các hoat động lĩnh vực Thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, Tình cảm kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.... Tiếp Tục ứng dụng phương pháp STEAM tổ chức các hoạt động dạy học theo các dự án STEAM.*

6. Theo dõi, đánh giá thường xuyên mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kĩ năng xã hội, thẩm mĩ. *Đổi mới đánh giá sự phát triển của trẻ, đánh giá sự tiến bộ của từng trẻ dựa trên mức độ đạt so với mục tiêu, sử dụng kết quả đánh giá để xây dựng và điều chỉnh Kế hoạch giáo dục, tổ chức các hoạt động phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tế. Ngoài việc đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kĩ năng xã hội, thẩm mĩ. Trong giai đoạn 2025-2030, kết hợp đánh giá thói quen tích cực vận động, việc nâng cao thể lực của trẻ theo dự án “Phát triển thể lực - Nâng cao tầm vóc” để từ đó có những điều chỉnh, thay đổi phù hợp đảm bảo nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.*

7. Phát hiện và tạo điều kiện phát triển năng khiếu của trẻ; phát hiện sớm trẻ có khó khăn trong phát triển, can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.

8. Phối hợp chặt chẽ giữa cở sở giáo dục mầm non với gia đình và cộng đồng để chăm sóc giáo dục trẻ tốt nhất*.*

*Hà Đông, ngày 09 tháng 9 năm 2024*

|  |  |
| --- | --- |
|  | HIỆU TRƯỞNG  **Nguyễn Thị Hạnh** |